

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YL
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2021
V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL- TỈNH PT**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn M.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Thẩm Văn M.

- Ông Phùng Duy N.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Tr - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh PT.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên S, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y L, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST ngày 08 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1972 vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

Trú quán: Khu Đ a, xã M l, huyện Y l, tỉnh P t.

Bị đơn: Anh Triệu Văn N, sinh năm 1968 vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đ a, xã M l, huyện Y l, tỉnh P t.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn, Chị Hà Thị T và bị đơn anh Triệu Văn N đều thống nhất trình bày: Chúng Tôi tự nguyện kết hôn . Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Sơn, huyện Y l, tỉnh P t năm 1990, nhưng chúng tôi đã làm mất giấy Chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Đ a, xã M l, huyện Y l cho đến nay. Vợ chồng hòa thuận đến mấy năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, mất lòng tin ở nhau, anh N lại mãi chơi, thiếu quan t đến gia đình, chúng tôi đã khắc phục nhiều lần và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay .

Nay cả chị T và anh N đều xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh N trình bày vợ chồng có hai con chung là: Triệu Thị Hằng, sinh ngày 05/11 /1992 và Triệu Văn Sơn, sinh ngày 10/ 10/1994.

Chị T và anh N trình bày: Các con đã trưởng thành lao động tự túc được nên thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị T và anh N đều trình bày đã tự giải quyết nên thỏa thuận không đề nghị giải quyết .

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điều 238, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Triệu Văn N.

Về con chung và các mối quan hệ khác : Tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Chị T phải chịu 300.000đ án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị T và anh Triệu Văn N đều trình bày: Anh chị tự nguyện kết hôn . Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Sơn, huyện Y l, tỉnh P t năm 1990, nhưng đã làm mất giấy Chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu Đ a, xã M l, huyện Y l cho đến nay. Vợ chồng hòa thuận đến mấy năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, mất lòng tin ở nhau, anh N lại mãi chơi, thiếu quan t đến gia đình, anh chị đã khắc phục nhiều lần và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay .

Nay cả chị T và anh N đều nhất xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Việc chị T và anh N đều trình bày là có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Sơn năm 1990 nhưng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Tại đơn xin xác nhận đăng ký kết hôn của chị T thì UBND xã Lương Sơn xác nhận : Hiện tại UBND xã Lương Sơn không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1990, nên không xác định được chị T và anh N có đăng ký kết hôn hay không.

Qua xác minh tại UBND xã Lương Sơn cũng như xác nhận của UBND xã trong đơn đề nghị của chị T thì hiện tại xã không còn lưu sổ đăng ký kết hôn năm 1990, mà chỉ còn lưu sổ từ năm 1994 trở lại đây. Cho nên UBND xã cũng không có căn cứ nào để xác định chị T và anh N có đăng ký kết hôn hay không. Do đó không có cơ sở để công nhận chị T và anh N có đăng ký kết hôn, Chị T và anh N cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh. Do đó không công nhận chị T và anh N là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, vay nợ và công sức: Anh chị không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Hà Thị T và anh Triệu Văn N là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A/A/2020/ 0004578 ngày 14/ 6 /2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y l, tỉnh P t. Chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Hà Thị T và anh Triệu Văn N biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú,

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y l;
- Chi cục THADS huyện Y l;
- UBND xã Lương Sơn, Y l;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn M

